

UBND HUYỆN L I  
 H I NG TUY N D NG  
 VIÊN CH C GIÁO D C

C NG HÒA XÃ H I CH NGH A VI T NAM  
 c l p - T do - H nh phúc

A L i, ngày 01 tháng 6 n m 2017

DANH SÁCH NG I I U K I N VÀ TIÊU CHU N D TUY N  
 VIÊN CH C GIÁO D C N M 2017  
 Ch tiêu: 03 Nhân viên Y t tr ng h c

TT	H và tên		N m sinh		Dân t c th i u s	Quê quán	H kh u th ng trú	Trình	H ào t o	Chuyên ngành	i m TB h c tập	i m TB TN	i m PV	T ng i m	Tin	N ng	Di n u tiên	S T	Ghi chú
			Nam	N															
1	Lê Th Minh	B ch		1992	x	H ng Qu ng	H ng Qu ng	H	CQ	i u d ng	70.1	70.1	91.5	323.2	B	B	DTTS	01659050567	
2	A Vi t Th	Biêu		1993	x	A t	A t	H	CQ	i u d ng	66.2	66.2	79.5	291.4	B		DTTS	0976340913	
3	Lê Th	Quy n		1993	x	H ng Th ng	H ng Th ng	H	CQ	i u d ng	68.9	68.9	75.5	288.8	B	B	DTTS	01696686392	
4	ào Th Ng c	Huê		1994		Qu ng i n	Qu ng i n	C	CQ	i u d ng	78.1	90.0	78.0	324.1	A	B		01662157598	
5	Nguy n Th	Mai		1993	x	H ng Th ng	A t	C	CQ	i u d ng	76.8	86.0	79.5	321.8	A	B	DTTS	0962615304	
6	Hà Th Thu	H ng		1991		H ng Trà	S n Th y	C	CQ	i u d ng	73.4	73.4	77.5	301.8	A	B		01669345853	
7	Nguy n Th	H u		1994		Qu ng i n	Th tr n	C	CQ	D gây mê h i s c	74.5	84.0	70.5	299.5	B	B		01648649462	
8	ào Th	Ph ng		1993		Qu ng i n	S n Th y	C	CQ	i u d ng	74.6	74.6	66.5	282.2	B	B		01692 274 477	Ch ng ch hành ngh Khám, ch a b nh
9	H c Th Ng c	Ánh		1992		TP Hu	TP Hu	C	CQ	i u d ng	74.9	74.0	63.5	275.9	B	B		01202623864	Ch ng ch hành ngh Khám, ch a b nh
10	Nguy n Hoàng	Th ch	1993			H ng Th y	H ng Th y	C	CQ	i u d ng	70.0	74.0	53.5	251.0	A	B		0914392154	
11	H Th	Chi		1993		Qu ng i n	Th tr n	TC	CQ	Y s, i u d ng	77.0	73.0	87.5	325.0	B	B		01692469011	
12	Ph m Th	Thùy		1990		Phong i n	S n Th y	TC	CQ	i u d ng	75.0	82.0	82.5	322.0	B	B		0935161148	

TT	H và tên		N m sinh		Dân t c thi u s	Quê quán	H kh u th ng trú	Trình	H ào t o	Chuyên ngành	i m TB h c tập	i m TB TN	i m PV	T ng i m	Tin	N ng	Di n u tiên	S T	Ghi chú
			Nam	N															
13	Nguy n Xuân	Vui	1991		x	H ng Vân	H ng Vân	TC	CQ	Y s	68.0	63.0	92.5	316.0	B	B	DTTS	01686144580	
14	Nguy n Th D	Th o		1995		Phong i n	Th tr n	TC	CQ	i u d ng	72.0	82.0	78.5	311.0	B	B		01645232673	
15	H Th	Hinh		1993	x	H ng Th ng	H ng Th ng	TC	CQ	i u d ng	74.0	67.0	80.0	301.0	B	B	DTTS	01699159383	
16	Nguy n V n	Hoàng	1991			Thanh Hóa	H ng Kim	TC	CQ	Y s, i u d ng	80.0	77.0	62.5	282.0	A	B		01683415657	
17	H Th	i u		1994	x	H ng Kim	H ng Kim	TC	CQ	Y s	66.0	72.0	64.5	267.0	B	B		01635099680	Ch ng ch chuyên khoa y h c d phòng
18	H Th	Xoa		1990	x	H ng Th y	H ng Th y	TC	CQ	Y s, i u d ng	77.0	80.0	54.5	266.0	B	B	DTTS	0981094031	
19	Phan Th Ng c	Ph ng		1995		H ng Th y	Th tr n	TC	CQ	i u d ng	71.0	73.0	59.0	262.0	B	B		0934894729	
20	Hu nh Th	Bé		1989	x	Nam ông	A t	TC	CQ	i u d ng	74.0	78.0	54.0	260.0	B	B	Con TB	0974574130	
21	Viên Th	Lý		1991	x	A Roàng	H ng Th ng	TC	CQ	i u d ng	71.0	82.0	53.5	260.0	B	B	DTTS	01692594310	Ch ng ch hành ngh Khám, ch a b nh
22	H T	Bách	1988		x	H ng Th ng	H ng Th ng	TC	CQ	i u d ng	75.0	88.0	47.0	257.0	B	B	DTTS	01258986949	
23	H Th	D u		1991	x	H ng Trung	H ng Trung	TC	CQ	i u d ng	69.0	70.0	59.0	257.0	B	C	DTTS	01698340575	Ch ng ch hành ngh Khám, ch a b nh
24	Ph m Th Hu nh Th ng			1993	x	H ng Th ng	Phú Vinh	TC	CQ	i u d ng	66.0	68.0	58.5	251.0	B	B	DTTS	0973177439	
25	H Th	Cái		1989	x	H ng Th y	H ng Th y	TC	CQ	i u d ng	68.0	68.0	56.5	249.0	B	B	DTTS	01676093275	
26	Tr n Th Ly	Di m		1992	x	Th tr n	Th tr n	TC	CQ	Y s	65.0	65.0	59.0	248.0	B	B	DTTS	01208117147	
27	Lê Th	L ng		1988	x	H ng Qu ng	Th tr n	TC	CQ	i u d ng	73.0	70.0	49.5	242.0	B	B	DTTS		
28	H Y	B ng	1991		x	A t	A t	TC	CQ	Y s a khoa	68.0	58.0	56.0	238.0	B	B	Con NTB	0945323953	
29	H Th	Ngân		1984	x	H ng Th ng	H ng Th ng	TC	CQ	Y s	65.0	57.0	57.5	237.0	B	B	DTTS	0969094035	Ch ng ch chuyên khoa y h c d phòng
30	Lê Th Khánh	Linh		1994	x	Nhâm	Nhâm	TC	CQ	Y s	62.0	60.0	55.5	233.0	A	B	DTTS	01632938145	

TT	H và tên		N m sinh		Dân t c thi u s	Quê quán	H kh u th ng trú	Trình	H ào t o	Chuyên ngành	i m TB h c tập	i m TB TN	i m PV	T ng i m	Tin	N ng	Di n u tiên	S T	Ghi chú
			Nam	N															
31	Nguy n Th	Liên		1992	x	H ng Trung	A Ngo	TC	CQ	i u d ng	70.0	50.0	50.0	220.0	B	B	DTTS	0961358775	
32	Lê Th Bích	Di p		1994		Phong i n	Th tr n	TC	CQ	Y s	73.0	68.0	46.5	234.0	B	B		01699206732	
33	H Th	Ve		1988	x	H ng Kim	B c S n	TC	CQ	i u d ng	65.0	70.0	47.5	230.0	A		DTTS	0961553325	
34	H Th	Phin		1990	x	A t	A t	TC	CQ	i u d ng	66.0	75.0	41.5	224.0	B	B	NTB	01643 262 106	
35	Nguy n Th Nhâm	Hà		1993	x	H ng Th ng	H ng B c	TC	CQ	i u d ng	67.0	65.0	46.0	224.0	B	B	DTTS	0972859260	Ch ng ch hành ngh Khám, ch a b nh
36	BLúp	Phú	1992		x	A Roàng	A Roàng	TC	CQ	i u d ng	70.0	58.0	47.5	223.0	A	A	DTTS	01653541756	Ch ng ch hành ngh Khám, ch a b nh
37	H V n	Nú	1992		x	Th tr n	Th tr n	TC	CQ	i u d ng	68.0	72.0	41.0	222.0	B	B	DTTS		
38	Lê Th Thùy	H ng		1990		Qu ng Bình	A Ngo	TC	CQ	i u d ng	67.0	60.0	47.0	221.0	A	B		01694999654	
39	H Th	V n		1992	x	H ng Vân	H ng Vân	TC	CQ	Y s	67.0	68.0	41.0	217.0	B	B	DTTS	01258419296	Ch ng ch chuyên khoa y h c d phòng
40	Nguy n V n	Ti n	1990		x	H ng Thái	H ng Thái	TC	CQ	i u d ng	61.0	75.0	40.0	216.0	B	B	DTTS	01699332092	
41	H ng	Sang	1992			Qu ng i n	S nTh y	TC	CQ	i u d ng	70.0	82.0	32.0	216.0	B	B			
42	Nguy n V n	Trác	1987		x	H ng Thái	H ng Th ng	TC	CQ	Y s YHCT	67.0	63.0	41.5	213.0	A	B	QNXN	01655 578 645	Nghi p v Y t tr ng h c
43	H Th	Hi n		1993	x	H ng H	H ng H	TC	CQ	Y s	66.0	62.0	37.5	203.0	B	B	DTTS	01244 946 816	
44	H Th	Nhái		1989	x	A t	A t	TC	CQ	i u d ng	68.0	65.0	35.0	203.0	B	B	DTTS	01645348505	Ch ng ch hành ngh Khám, ch a b nh
45	H Th	L u		1987	x	H ng Qu ng	H ng Qu ng	TC	CQ	i u d ng	70.0	67.0	27.5	192.0	B	B	DTTS	01668 669 004	
46	Tr n H i	t	1989		x	H ng Vân	A Ngo	TC	CQ	Y s YHCT	69.0	63.0	27.0	186.0	A	B	DTTS	0976091936	
47	oàn Th	Ngâu		1992	x	A Ngo	A Ngo	TC	CQ	Y s ( i u d ng)	65.0	55.0	28.5	177.0	B	B	DTTS	01672136188	
48	H Th Kim	Liên		1994	x	Nhâm	A Ngo	TC	CQ	i u d ng	67.0	65.0	20.0	172.0	B	B	DTTS	01674069469	Ch ng ch hành ngh Khám, ch a b nh

TT	H và tên		N m sinh		Dân t c thi u s	Quê quán	H kh u th ng trú	Trình	H ào t o	Chuyên ngành	i m TB h c táp	i m TB TN	i m PV	T ng i m	Tin	N ng	Di n u tiên	S T	Ghi chú
			Nam	N															
49	Lê V n	L c	1991		x	H ng B c	H ng B c	TC	CQ	Y s a khoa	73.0	60.0	15.0	163.0	B	B	DTTS	01672885683	
50	H Th	Kinh		1994	x	A t	A t	TC	CQ	Y s	66.0	63.0	17.0	163.0	B	B	DTTS	0986305487	
51	Tr n Th	Loan		1994		Phú Vang	Th tr n	TC	CQ	i u d ng	81.0	82.0	0.0	163.0	B	B		0974202978	
52	H Th Ki u	Oanh		1994		Qu ng Tr	Th tr n	TC	CQ	i u d ng	73.0	72.0	0.0	145.0	B	B1		0979128662	Ch ng ch hành ngh Khám, ch a b nh
53	H Th	Ton		1994	x	H ng Trung	H ng Trung	TC	CQ	i u d ng	68.0	65.0	0.0	133.0	B	B	DTTS	0983315623	
54	Lê Th	Th m		1994	x	H ng Th ng	H ng Th ng	TC	CQ	i u d ng	67.0	60.0	0.0	127.0	B	B	DTTS	01699536233	
55	H Th	Phít		1992	x	H ng Qu ng	H ng Qu ng	TC	CQ	i u d ng	73.0	50.0	0.0	123.0	A		Con TB	0969226096	

Danh sách g m 55 ng i./.